

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ**  
**ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG**  
**CHUYÊN NGÀNH: CHÍNH SÁCH CÔNG VÀ PHÁT TRIỂN**  
**MÃ SỐ: 8310105.02**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 2147/QĐ-ĐHKT ngày 23/6/2023*  
*của Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế)*

**PHẦN I: GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**1. Một số thông tin về chương trình đào tạo**

- Tên chuyên ngành đào tạo:
  - + Tiếng Việt: Chính sách công và Phát triển
  - + Tiếng Anh: Public Policy and Development
- Mã số chuyên ngành đào tạo: 8310105.02
- Ngôn ngữ đào tạo: Tiếng Việt
- Trình độ đào tạo: Thạc sĩ
- Thời gian đào tạo: 2 năm
- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp:
  - + Tiếng Việt: Thạc sĩ chuyên ngành Chính sách công và Phát triển
  - + Tiếng Anh: The Degree of Master in Public Policy and Development
- Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội.

**2. Mục tiêu của chương trình đào tạo**

**2.1. Mục tiêu chung**

Chương trình có mục tiêu chung là đào tạo thạc sĩ mang tính liên ngành chính sách công và phát triển, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực phân tích, quản lý và hoạch định chính sách công tại Việt Nam trong quá trình phát triển và hội nhập trên cơ sở tư duy của kinh tế học nhằm hướng tới sự phát triển bền vững.

**2.2. Mục tiêu cụ thể**

Chương trình cung cấp cho các học viên cơ sở lý luận, phương pháp tư duy, kiến thức thực tiễn, cùng các công cụ phân tích đánh giá chính sách công trên nền tảng cách tiếp cận, tư duy kinh tế học/ kinh tế phát triển và quản trị kinh doanh.

Chương trình giúp học viên hiểu rõ và có thể thực hành việc hoạch định, thực thi và quản trị các chiến lược chính sách phát triển của nhà nước, cơ quan, tổ chức xã hội và doanh nghiệp. Bên cạnh đó cũng đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu/ giảng dạy chuyên sâu về chính sách công và phát triển.

Chương trình giúp học viên có được một nền kiến thức đủ rộng nhưng vẫn chuyên sâu về các lĩnh vực chính sách phát triển (đặc biệt là phát triển bền vững) trên thế giới và Việt Nam. Vì vậy, chương trình có những học phần mang tính nền tảng về chính sách công và kinh tế học, vừa có những học phần mang tính liên ngành/ chuyên sâu về chính sách công cho phát triển và những học phần cung cấp các công cụ phân tích, đánh giá chính sách phát triển.

Chương trình Thạc sĩ Chính sách công và Phát triển là chương trình đào tạo thạc sĩ định hướng ứng dụng hướng tới tượng làm công tác lãnh đạo, quản lý, nghiên cứu, giảng dạy tại các cơ quan chính phủ, viện nghiên cứu, trường đại học, các tổ chức quốc tế và phi chính phủ, các tập đoàn kinh tế.

### **3. Thông tin tuyển sinh**

#### **3.1. Hình thức tuyển sinh**

- Xét tuyển thẳng theo Hướng dẫn tuyển sinh sau đại học hàng năm của Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Xét tuyển (bao gồm đánh giá hồ sơ và phỏng vấn)

#### **3.2. Điều kiện dự tuyển**

##### **3.2.1. Điều kiện văn bằng**

Chương trình đào tạo Thạc sĩ Chính sách công và Phát triển xác định ngành Kinh tế phát triển là ngành gốc. Đây là chương trình đào tạo mới, ưu tiên các đối tượng đang công tác trong lĩnh vực phù hợp với chuyên ngành đào tạo nên Trường Đại học Kinh tế xác định đối tượng tuyển sinh như sau:

#### **Ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức**

**Nhóm 1:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành Kinh tế phát triển, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển được dự thi ngay.

#### **Ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức**

**Nhóm 2:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành gần với ngành Kinh tế phát triển được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ).

**Nhóm 3:** Có bằng tốt nghiệp đại học ngành khác được dự thi sau khi hoàn thành chương trình bổ sung kiến thức gồm 09 học phần (27 tín chỉ).

### 3.2.2. Điều kiện về ngoại ngữ

Có trình độ ngoại ngữ bậc 3 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương.

### 3.2.2. Điều kiện thâm niên công tác

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 1 và 2: Không yêu cầu kinh nghiệm công tác;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp đại học thuộc Nhóm 3: Phải có tối thiểu 02 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đăng ký dự thi.

### 3.3. Danh mục các ngành phù hợp

+ **Danh mục các ngành phù hợp không phải học bổ sung kiến thức:** ngành Kinh tế phát triển, ngành Kinh tế có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển.

+ **Danh mục các ngành phù hợp phải học bổ sung kiến thức:**

Ngành gần: ngành Kinh tế không có định hướng chuyên ngành/chuyên sâu về Kinh tế phát triển hoặc ngành Kinh tế quốc tế;

Ngành khác: Tài chính – Ngân hàng; Bảo hiểm; Kế toán; Kiểm toán, Quản trị kinh doanh; Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành; Quản trị khách sạn; Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống; Bất động sản; Marketing; Kinh doanh quốc tế; Kinh doanh thương mại, Khoa học quản lý, Quản trị nhân lực; Hệ thống thông tin quản lý, Quản trị văn phòng.

### 3.4. Danh mục các học phần bổ sung kiến thức

+ Đối với đối tượng thuộc Nhóm 2, danh mục các học phần bổ sung kiến thức gồm 05 học phần (15 tín chỉ) sau:

<b>TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kinh tế thể chế	03
2	Kinh tế công cộng	03
3	Kinh tế môi trường	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
<b>Tổng cộng</b>		<b>15</b>

+ Đối với đối tượng thuộc Nhóm 3, danh mục các học phần bổ sung kiến gồm 09 học phần (27 tín chỉ) sau:

<b>TT</b>	<b>Học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>
1	Kinh tế vi mô	03
2	Kinh tế vĩ mô	03
3	Quản trị học	03
4	Kinh tế phát triển	03
5	Chính sách công	03
6	Quản trị chiến lược	03
7	Kinh tế thể chế	03
8	Kinh tế môi trường	03
9	Kinh tế công cộng	03
<b>Tổng cộng</b>		<b>27</b>

### **3.5. Dự kiến quy mô tuyển sinh**

- Hàng năm, Trường tuyển sinh theo kế hoạch chung của Đại học Quốc gia Hà Nội. Dự kiến quy mô tuyển sinh: 50 học viên/năm.

## **PHẦN II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

### **1. Về kiến thức**

- PLO1: Nắm được những kiến thức cơ bản của kinh tế học nói chung và đi sâu vào các kiến thức quản lý trong lĩnh vực chính sách công, quản lý công và phát triển;

- PLO2: Trang bị những khái niệm và công cụ phân tích về lý thuyết tổ chức, quản lý công;

- PLO3: Cung cấp nền tảng lý thuyết và kiến thức thực tiễn, các phương pháp nghiên cứu hiện đại, công cụ tiên tiến các vấn đề chính sách.

- PLO4: Trên cơ sở vận dụng các vấn đề lý thuyết, đề án tốt nghiệp phải phát hiện và tập trung giải quyết được một hoặc một vài vấn đề thực tiễn. Từ đó, đề xuất các giải pháp hoặc kiến nghị giúp giải quyết vấn đề đã đưa ra. Các giải pháp phải chứng tỏ quan điểm của cá nhân của học viên và có tính khả thi.

### **2. Về kỹ năng**

#### ***2.1. Các kỹ năng nghề nghiệp***

- PLO5: Có kỹ năng lập luận, tư duy theo hệ thống, nghiên cứu, phát hiện và giải quyết các vấn đề (gồm phát hiện, hình thành, tổng quát hóa, đánh giá, phân tích, giải quyết vấn đề và đưa ra giải pháp kiến nghị) trong lĩnh vực chính sách công và phát triển;

- PLO6: Có kỹ năng hoạch định, lập kế hoạch và tổ chức thực thi các chiến lược, chính sách, và quản trị dự án phát triển;

- PLO7: Có khả năng cập nhật kiến thức, tổng hợp tài liệu, phân tích và phân biện kiến thức hiện tại, nghiên cứu để phát triển hay bổ sung kiến thức;

- PLO8: Có thể vận dụng linh hoạt và sáng tạo các kiến thức và kỹ năng vào thực tiễn, có năng lực sáng tạo, phát triển trong nghề nghiệp;

- PLO9: Có các kỹ năng sử dụng các công cụ hỗ trợ trong chuyên môn như tin học, ngoại ngữ, giao tiếp, làm việc độc lập, đàm phán, thuyết trình, làm việc nhóm, quản lý thời gian...

- PLO10: Có khả năng thu nhập, xử lý thông tin, khai thác và ứng dụng các phần mềm thống kê và phân tích định lượng trong nghiên cứu để giải quyết vấn đề trong lĩnh vực chuyên môn;

### **3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm**

- PLO11: Có năng lực phát hiện và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên môn đào tạo và đề xuất những sáng kiến có giá trị;

- PLO12: Có khả năng tự định hướng phát triển năng lực cá nhân, thích nghi với môi trường làm việc có tính cạnh tranh cao và năng lực dẫn dắt chuyên môn;

- PLO13: Đưa ra được những kết luận mang tính chuyên gia về các vấn đề phức tạp của chuyên môn, nghiệp vụ; bảo vệ và chịu trách nhiệm về những kết luận chuyên môn;

- PLO14: Có khả năng xây dựng, thẩm định kế hoạch; có năng lực phát huy trí tuệ tập thể trong quản lý và hoạt động chuyên môn; có khả năng nhận định đánh giá và quyết định phương hướng phát triển nhiệm vụ công việc được giao; có khả năng dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề lớn.

- PLO15: Có phẩm chất đạo đức cá nhân, đạo đức nghề nghiệp, đạo đức xã hội.

### **4. Định hướng nghề nghiệp của học viên tốt nghiệp**

- **Nhóm 1:** Cán bộ phân tích, nghiên cứu, cán bộ hoạch định, xây dựng chính sách, đánh giá chiến lược chính sách phát triển, cán bộ kế hoạch, cán bộ quản lý tại các cơ quan quản lý Nhà nước ở các bộ, ban, ngành từ trung ương đến địa phương.

- **Nhóm 2:** Cán bộ phân tích, nghiên cứu, tư vấn chính sách, cán bộ hoạch định chính sách, cán bộ kế hoạch tại các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ; các cán bộ quản trị, quản lý, cán bộ hoạch định, xây dựng chiến lược trong các tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp.

- **Nhóm 3:** Nhà nghiên cứu, giảng viên tại các cơ quan nghiên cứu và trường đại học có chuyên ngành đào tạo liên quan đến chính sách công và phát triển.

### **5. Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp**

Sau khi tốt nghiệp, học viên có đủ kiến thức, năng lực chuyên môn và kỹ năng nghề nghiệp để tiếp tục học tập, nghiên cứu cao hơn ở bậc tiến sĩ.

## PHẦN III: NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### 1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình	65 tín chỉ
- Khối kiến thức chung	9 tín chỉ
- Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành	41 tín chỉ
+ <i>Bắt buộc</i>	26 tín chỉ
+ <i>Tự chọn</i>	15/38 tín chỉ
- Khối kiến thức thực tập và tốt nghiệp	15 tín chỉ
+ <i>Thực tập thực tế 1</i>	3 tín chỉ
+ <i>Thực tập thực tế 2</i>	3 tín chỉ
+ <i>Đề án tốt nghiệp:</i>	9 tín chỉ

### 2. Khung chương trình

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
<b>I</b>	<b>Khối kiến thức chung</b>		<b>9</b>				
1	PHI 5003	Triết học ( <i>Philosophy</i> )	4	60	0	0	
2	ENG5002	Tiếng Anh B2 ( <i>English B2</i> )	5	20	50	5	
<b>II</b>	<b>Khối kiến thức cơ sở và chuyên ngành</b>		<b>41</b>				
<b>II.1</b>	<b>Các học phần bắt buộc</b>		<b>26</b>				
3	INE6105	Lý thuyết kinh tế vi mô ( <i>Microeconomics Theories</i> )	3	30	15	0	
4	INE6103	Lý thuyết kinh tế vĩ mô ( <i>Macroeconomics Theories</i> )	3	30	15	0	
5	FDE6049	Thiết kế nghiên cứu ( <i>Research Design</i> )	2	20	10	0	
6	FDE6014	Kinh tế học khu vực công ( <i>Economics of the Public Sector</i> )	3	30	15	0	

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
7	FDE6020	Thế chế và tổ chức lãnh đạo khu vực công ( <i>Institutions and Public Leadership</i> )	3	30	15	0	
8	FDE6021	Chiến lược và chính sách công cho phát triển ( <i>Strategy and Public Policy for Development</i> )	3	30	15	0	
9	FDE6015	Phân tích và hoạch định chính sách công ( <i>Public Policy Analysis and Planning</i> )	3	30	15	0	
10	FDE6006	Chính sách tăng trưởng xanh ( <i>Green Growth Policy</i> )	3	30	15	0	
11	FDE6030	Quản lý, giám sát và đánh giá dự án công ( <i>Public Project Management</i> )	3	30	15	0	
<b>II.2</b>	<b>Các học phần tự chọn</b>		<b>15/38</b>				
12	FDE6024	Chiến lược, chính sách phát triển của các tổ chức khu vực và quốc tế. ( <i>Strategy and Development Policy of International Organizations</i> )	3	30	15	0	
13	FDE6017	Kinh tế học về biến đổi khí hậu ( <i>Economics of Climate Change</i> )	3	30	15	0	
14	FDE6018	Phân tích chi phí lợi ích và thẩm định dự án đầu tư ( <i>Cost Benefit Analysis and Investment Project Appraisal</i> )	3	30	15	0	
15	FDE6026	Phân tích thông kê cho chính sách công	3	30	15	0	



TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
		<i>(Statistical Analysis for Public Policy)</i>					
16	FDE6027	Phân cấp và quản trị địa phương <i>(Decentralization and Local Management)</i>	3	30	15	0	
17	FDE6028	Chính sách phát triển vùng <i>(Regional Development Policy)</i>	3	30	15	0	
18	PEC6029	Quản lý tài chính công <i>(Public Financial Management)</i>	2	20	10	0	
19	FDE6032	Cải cách dịch vụ công <i>(Public Services Reform)</i>	3	30	15	0	
20	FDE6031	Bất bình đẳng và phát triển <i>(Inequality and Development)</i>	3	30	15	0	
21	PEC6125	Nhà nước, thị trường và quản trị quốc tế <i>( State, Market and International administration)</i>	3	30	15	0	
22	FDE6012	Ra quyết định đa tiêu chuẩn trong kinh tế và quản trị <i>(Multi-criteria Decision Making Models in Economics and Administration)</i>	3	30	15	0	
23	FDE6035	Quản lý và phát triển đô thị <i>(Urban Management and Development)</i>	3	30	15	0	
24	FDE6036	Môi trường kinh doanh và phát triển doanh nghiệp <i>(Business Environment and Enterprises Development)</i>	3	30	15	0	
<b>III. Thực tập thực tế và tốt nghiệp</b>			15				

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Mã số các học phần tiên quyết
				Lý thuyết	Thực hành	Tự học	
25	FDE6047	Thực tập thực tế 1 ( <i>Internship 1</i> )	3	0	45	0	
26	FDE6048	Thực tập thực tế 2 ( <i>Internship 2</i> )	3	0	45	0	
27	FDE6050	Đề án tốt nghiệp ( <i>Graduation Thesis</i> )	9	0	0	135	
<b>Tổng cộng</b>			<b>65</b>				

**Ghi chú:** Học phần Tiếng Anh B2 là học phần điều kiện, được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá học phần này không tính vào điểm trung bình chung tích lũy.

### 3. Ma trận đóng góp của các học phần trong CTĐT với chuẩn đầu ra của CTĐT

STT	Mã CDR	Mã số học phần																										
		PHI5003	ENG5002	INE6105	INE6103	FDE6049	FDE6014	FDE6020	FDE6021	FDE6015	FDE6006	FDE6030	FDE6024	FDE6017	FDE6018	FDE6026	FDE6027	FDE6028	PEC6029	FDE6032	FDE6031	PEC6125	FDE6012	FDE6035	FDE6036	FDE6047	FDE6048	FDE6050
1	PLO1			3	3		3	3	3				3					3			3		3					
2	PLO2	4				3				3		3		3	3								3					
3	PLO3							3	3	3	3	3	3			3	3			3	3		3	3				
4	PLO4																										4	
5	PLO5	3		3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
6	PLO6								3	3	3	3				3	3	3	3	3	3		3	3	3		3	4
7	PLO7	3				3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3			4
8	PLO8		4					4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4	4
9	PLO9	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
10	PLO10	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
11	PLO11	3	3	3	3	4	3	3	4	4	4	4	4	4	3	3	4	4	4	3	3	3	4	4	4	3	4	4
12	PLO12	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
13	PLO13	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
14	PLO14	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4
15	PLO15	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	3	4